

Số: 09/2016/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

Điều 2: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện định mức phân bổ trên làm căn cứ xây dựng và phân bổ dự toán ngân sách năm 2017 và giai đoạn 2017-2020.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỊNH MỨC

**Về phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2017**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND,
Ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Điều 1: Về phân loại địa bàn để phân bổ định mức

- Loại I: Thành phố Buôn Ma Thuột;
- Loại II: Thị xã Buôn Hồ; các huyện: Cư Mgar, Ea Kar, Ea H'Leo, Krông Pắc;
- Loại III: Các huyện: Krông Năng, Cư Kuin;
- Loại IV: Các huyện: Krông Bông, M'Drăk, Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Ana, Krông Búk.

Điều 2: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các Sở, ban ngành thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính

1.1. Phạm vi áp dụng:

- Áp dụng định mức phân bổ trên đối với các Sở, cơ quan tỉnh và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.
- Không áp dụng định mức phân bổ trên đối với các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.
- Trên cơ sở biên chế hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao và mức chi thường xuyên theo định mức phân bổ, khuyến khích các Sở, cơ quan tỉnh giảm biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng chi cho các nhiệm vụ phát sinh của cơ quan, đơn vị và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Áp dụng định mức phân bổ theo phương pháp lũy thoái đối với số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ). Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, đơn vị được chia thành các bậc khác nhau với qui mô biên chế, cụ thể:

Đơn vị: đồng/biên chế/năm

Biên chế	Số tiền
Từ 20 biên chế trở xuống	23.000.000
Từ biên chế thứ 21 đến 40	22.000.000
Từ biên chế thứ 41 đến 60	21.000.000
Từ biên chế thứ 61 đến 80	20.000.000
Từ biên chế thứ 81 trở lên	19.000.000

- Các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh), Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp ngoài định mức chung nêu trên, phân bổ thêm 20% định mức trên để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của tổ chức.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư ngoài định mức chung nêu trên, được tính thêm theo nhiệm vụ đặc thù của mỗi cơ quan.

(1) Định mức phân bổ bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu...

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá giám sát đầu tư....

- Kinh phí sửa chữa thường xuyên trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo qui định.

(2) Định mức phân bổ không bao gồm:

Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...) đối với số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao.

Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các Sở, cơ quan tỉnh: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh, Hội nghị cấp tỉnh; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, đoàn công tác liên ngành được UBND tỉnh quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở, tài sản; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo quy định cụ thể, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng ngân sách hàng năm.

Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của các cơ quan không đưa vào định mức phân bổ: Trang phục; đào tạo lại cán bộ, công chức; kinh phí trích theo số thu thực nộp ngân sách nhà nước của Thanh tra tỉnh; kinh phí chi cho

nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí sắp xếp chỉnh lý tài liệu lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức hội

Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp

2.1. Nguyên tắc định mức phân bổ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, cụ thể:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định và theo khả năng tự đảm bảo chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp): Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên trong thời gian ổn định ngân sách và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi chức năng, nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định. Trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên được vận dụng tối đa bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng qui mô biên chế; xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm công khai, minh bạch kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Trong thời gian các Nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực chưa được ban hành, các Sở, ngành của tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) chủ động xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; xác định nhu cầu kinh phí đối với từng danh mục theo Kế hoạch số

323/KH-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để UBND tỉnh giao quyền tự chủ theo quy định trong thời kỳ ổn định 2017 - 2020.

2.2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

2.2.1. Đối với chi sự nghiệp giáo dục (áp dụng cho các cơ sở giáo dục công lập):

- Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật: 06 triệu đồng/học sinh/năm.

- Trường phổ thông dân tộc nội trú: 3,4 triệu đồng/học sinh/năm.

- Trung tâm giáo dục thường xuyên: 01 triệu đồng/học sinh/năm.

- Trường phổ thông trung học: 0,9 triệu đồng/học sinh/năm. Riêng trường Trung học phổ thông nội trú Nơ Trang Long: 2,5 triệu đồng/học sinh/năm; trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Du: 1,8 triệu đồng/học sinh/năm. Các trường trung học phổ thông đóng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn: 1,1 triệu đồng/học sinh/năm.

Trên cơ sở định mức phân bổ trên, nếu tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập chưa đảm bảo theo quy định, thì được tính như sau:

- + Trường Phổ thông dân tộc nội trú và Trung tâm Giáo dục thường xuyên nếu tính theo định mức trên mà tỷ lệ chi cho hoạt động, giảng dạy và học tập nhỏ hơn 16% so với tổng kinh phí tự chủ của đơn vị thì được tính bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...) tối đa 84%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 16%;

- + Trường Trung học phổ thông nếu tính theo định mức trên mà tỷ lệ chi cho hoạt động, giảng dạy và học tập nhỏ hơn 12% so với tổng kinh phí tự chủ của đơn vị thì được tính bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...) tối đa 88%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 12%.

- + Trường hợp đã áp dụng theo các quy định trên mà vẫn thấp hơn mức chi năm 2016 thì được tính bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...) tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18%.

Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục không bao gồm:

- + Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương: các phụ cấp (bao gồm cả phụ cấp thâm niên, thu hút, ưu đãi nghề), tăng lương định kỳ hàng năm; các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...)

+ Chế độ học bổng cho học sinh nội trú theo, học bổng cho học sinh bán trú, chính sách hỗ trợ cho học sinh các trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, học bổng học sinh khuyết tật, kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, bù miễn, giảm học phí...

+ Tăng cường cơ sở vật chất trường học phục vụ giảng dạy học tập: Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định.

+ Các khoản chi hoạt động có tính chất đặc thù khác phát sinh theo từng năm học của trường như: hỗ trợ dạy kê thay cho giáo viên nghỉ sinh, giáo viên thực hiện nhiệm vụ công tác viên thanh tra, giáo viên được cử đi học, chế độ nghỉ phép cho giáo viên ở các trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; làm cụm trường cụm thanh tra, hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh phổ thông, hợp đồng các lớp bổ túc ở Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, hỗ trợ công tác phí vùng xa...

2.2.2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

- Quỹ tiền lương tính đủ theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Định mức chi thường xuyên (chi hoạt động, hành chính): vận dụng tối đa bằng 80% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế. Riêng Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm huấn luyện kỹ năng (trực thuộc Tỉnh Đoàn) được vận dụng tối đa bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế; Trường Cao đẳng nghề thanh niên dân tộc Tây Nguyên được vận dụng tối đa bằng 90% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế.

2.2.3. Sự nghiệp y tế

a) Khối bệnh viện:

- Bệnh viện hạng 1, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và bệnh phổi: 16 triệu đồng/giường bệnh/năm.

- Bệnh viện hạng 2: 15 triệu đồng/giường bệnh/năm.

- Bệnh viện hạng 3: 14 triệu đồng/giường bệnh/năm.

b) Khối các trung tâm y tế:

- Trung tâm y tế tỉnh: Tính đủ quỹ lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Dự toán chi thường xuyên được vận dụng tối đa bằng 80% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế. Đối với các đơn vị có từ 20 biên chế trở xuống được vận dụng tối đa bằng 85% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế.

- Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố:

+ Tính đủ quỹ lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

+ Biên chế của Trung tâm (trừ biên chế của các trạm y tế xã, phường, thị trấn) được vận dụng tối đa bằng 80% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế;

+ Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn: 52 triệu/trạm/năm.

c) Sự nghiệp dân số:

Tính đủ quỹ lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Dự toán chi thường xuyên của Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình huyện, thị xã, thành phố được vận dụng tối đa bằng 85% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế.

2.2.4. Sự nghiệp công lập khác:

Tính đủ quỹ lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Dự toán chi thường xuyên được vận dụng tối đa bằng 80% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế. Đối với các đơn vị có quy mô biên chế từ 20 biên chế trở xuống được vận dụng tối đa bằng 85% định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế.

a) Sự nghiệp văn hóa - thông tin

- Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp: Ngoài định mức phân bổ chung cho các sự nghiệp công lập khác nêu trên được phân bổ thêm 510 triệu đồng/đoàn/năm.

- Vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật được tham gia các giải do Trung ương tổ chức được phân bổ kinh phí tập huấn theo chế độ quy định với vận động viên.

- Khu, điểm du lịch quốc gia được phân bổ thêm 3.000 triệu đồng/khu, điểm du lịch quốc gia/năm.

- Đội thông tin lưu động được phân bổ thêm 250 triệu đồng/đội/năm.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Ngoài định mức chung cho các sự nghiệp công lập khác nêu trên, còn được phân bổ cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Tổng mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm tối thiểu bằng mức chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của Trung ương phân bổ cho ngân sách tỉnh.

c) Sự nghiệp giao thông: Định mức phân bổ để thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng đường giao thông thuộc tỉnh quản lý tăng 20% so với dự toán năm 2016.

Điều 3: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố Buôn Ma Thuột và các xã, phường, thị trấn:

Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn năm 2017 chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Căn cứ khả năng tài chính – ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của

Luật Ngân sách nhà nước; trong đó, chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề không thấp hơn dự toán tỉnh giao.

1. Định mức phân bổ chi Sự nghiệp giáo dục

a) Phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 đến 18 tuổi:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	3.320.000
- Loại II	3.507.000
- Loại III	3.696.000
- Loại IV	3.887.000

- Định mức chi sự nghiệp giáo dục trên đã bao gồm chi tiền lương (theo mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng/người/tháng), các khoản có tính chất lương, các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp,...). Đảm bảo kinh phí thực hiện phụ cấp đặc thù đối với ngành giáo dục và kinh phí thực hiện tăng biên chế giáo viên theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tăng quy mô giáo dục; kinh phí thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập, kinh phí thực hiện chương trình đổi mới nội dung sách giáo khoa.

- Trường hợp tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 18% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp (phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp ưu đãi nghề), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí).

b) Ngoài định mức phân bổ theo tiêu chí dân số nêu trên, bổ sung thêm kinh phí để thực hiện các chế độ theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức tại các cơ sở y tế công lập; Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1 – 18 tuổi):

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	17.400
- Loại II	22.545

- Loại III	27.720
- Loại IV	32.955

- Định mức phân bổ đào tạo và dạy nghề bao gồm kinh phí thực hiện các loại hình đào tạo, dạy nghề (chính quy, tại chức, cử tuyển, đào tạo lại, các loại hình đào tạo dạy nghề khác), các cấp đào tạo, dạy nghề, Trung tâm đào tạo dạy nghề và đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC, ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và các quy định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức tại địa phương.

- Ngoài định mức nêu trên, bổ sung thêm kinh phí cho trung tâm đào tạo nghề để thực hiện thêm một số nhiệm vụ được giao.

3. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể

a) Khối huyện, thị xã, thành phố:

Đơn vị: đồng/biên chế/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	28.220.000
- Loại II	29.225.000
- Loại III	31.080.000
- Loại IV	32.110.000

Ngoài định mức phân bổ nêu trên, còn được phân bổ thêm:

- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện (Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM) phân bổ thêm 20% định mức trên để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù.

- Phòng Tư pháp, Thanh tra và Phòng Dân tộc cấp huyện phân bổ thêm 15% định mức trên để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù.

- Văn phòng HĐND và UBND và Văn phòng Huyện ủy ngoài định mức như trên được phân bổ thêm kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù.

- Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Bổ sung kinh phí thực hiện Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp;

- Bổ sung kinh phí về chế độ, chính sách đặc thù và các điều kiện đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân cấp huyện; kinh phí phục vụ công tác phát động quần chúng tại cơ sở; kinh phí thực hiện Quyết định số 05-QĐ/TU, ngày 26/11/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”;

- Hỗ trợ kinh phí cho hội Chữ Thập đỏ, hội Đông y, hội Người cao tuổi;
- Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các hội đặc thù.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

- Tiền thưởng theo Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

(1) Định mức phân bổ bao gồm các nhóm nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan (tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu...).

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật...).

- Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

(2) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm các nội dung chi sau:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương, các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp,...) theo quy định của Chính phủ.

- Chi sửa chữa lớn trụ sở làm việc; mua sắm tài sản cố định có số lượng lớn hoặc giá trị lớn.

(3) Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương) nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ 25%, tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 75%.

b) Khối xã, phường, thị trấn (gọi chung là khối xã)

- Phân bổ bình quân 3.200.000.000 đồng/xã/năm

Ngoài ra, bổ sung thêm 50.000.000 đồng/xã/năm cho các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn; bổ sung 5.000.000 đồng/xã/năm cho các xã khu vực 1, 2 và 7.000.000 đồng/xã/năm cho các xã khu vực 3 để thực hiện Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 30/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

Định mức trên đã bao gồm các khoản chi như sau:

+ Tiền lương (theo mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng/người/tháng), các khoản có tính chất lương, các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...), các phụ cấp theo lương cho cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP, ngày 08/4/2013 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và chi thường xuyên đảm bảo hoạt động của bộ máy.

- Phân bổ bình quân 123.000.000 đồng/thôn (buôn, tổ dân phố)/năm để chi phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách và chi thường xuyên cho hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố; chi hoạt động 5 đoàn thể tại thôn (buôn, tổ dân phố), chi thăm già làng dịp lễ tết...

Ngoài ra, bổ sung thêm 3.000.000 đồng/thôn (buôn, tổ dân phố)/năm để thực hiện Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 30/8/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

- Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể cho khối xã, phường, thị trấn và thôn, buôn, tổ dân phố trên đây đã bao gồm đầy đủ kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến ngày 31/5/2016.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa – thông tin

a) Khối huyện, thị xã, thành phố:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	11.100
- Loại II	16.700
- Loại III	21.840
- Loại IV	27.885

- Định mức phân bổ trên đây đã bao gồm các chế độ chính sách ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc theo các chế độ, chính sách đã ban hành.

b) Khối xã, phường, thị trấn:

- Phường, thị trấn bình quân: 42.250.000 đồng/phường (thị trấn)/năm.

- Các xã còn lại bình quân: 37.180.000 đồng/xã/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

a) Khối huyện, thị xã, thành phố:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	9.600

- Loại II	12.525
- Loại III	15.960
- Loại IV	19.435

- Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng phát thanh, truyền hình bằng tiền dân tộc.

- Ngoài ra các huyện có trạm phát lại phát thanh, truyền hình được phân bổ thêm 330.000.000 đồng/huyện để có thêm kinh phí thực hiện phủ sóng phát thanh, truyền hình đối với vùng khó khăn.

b) Khối xã, phường, thị trấn:

- Phường, thị trấn bình quân: 33.800.000 đồng/phường (thị trấn)/năm.

- Các xã còn lại bình quân: 42.250.000 đồng/xã/năm.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

a) Khối huyện, thị xã, thành phố:

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	6.300
- Loại II	7.014
- Loại III	9.240
- Loại IV	11.999

b) Khối xã, phường, thị trấn:

- Xã, phường, thị trấn bình quân: 25.350.000 đồng/xã (phường, thị trấn)/năm

7. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

a) Khối huyện, thị xã, thành phố:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	19.600
- Loại II	18.120
- Loại III	23.595
- Loại IV	25.620

- Phân bổ thêm kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, mức hỗ trợ theo chế độ quy định;

b) Khối xã, phường, thị trấn:

- Phường, thị trấn bình quân: 19.500.000 đồng/phường (thị trấn)/năm.

- Các xã còn lại bình quân: 32.500.000 đồng/xã/năm.

Phân bổ thêm khoản kinh phí để thực hiện chế độ đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 09/2015/NĐ-CP,

ngày 22/01/2015 của Chính phủ về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc và Nghị định số 55/2016/NĐ-CP, ngày 15/6/2016 của Chính phủ về điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hàng tháng và trợ cấp đối với giáo viên mầm non có thời gian làm việc trước năm 1995 (xác định theo thực tế).

8. Định mức phân bổ chi quốc phòng

a) Khối huyện, thị xã, thành phố:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	12.750
- Loại II	14.400
- Loại III	19.000
- Loại IV	22.000

- Huyện có tiêu đội thường trực chiến đấu được phân bổ thêm 600.000.000 đồng/tiêu đội/năm.

- Ngoài định mức nêu trên, hỗ trợ cho thành phố Buôn Ma Thuột kinh phí phụ cấp trách nhiệm cho dân quân tự vệ giữ chức vụ chỉ huy đơn vị các cơ quan tỉnh đóng chân trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

b) Khối xã, phường, thị trấn:

- Phường, thị trấn bình quân: 180.000.000 đồng/phường (thị trấn)/năm.

- Các xã còn lại bình quân: 200.000.000 đồng/xã/năm

Ngoài ra phân bổ thêm xã biên giới 200.000.000 đồng/xã/năm

Định mức đã bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ,...

9. Định mức phân bổ chi an ninh

a) Khối huyện, thị xã, thành phố:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Loại địa bàn	Định mức phân bổ
- Loại I	5.950
- Loại II	7.020
- Loại III	8.550
- Loại IV	10.400

- Huyện có biên giới được phân bổ thêm 510.000.000 đồng/năm.

b) Khối xã, phường, thị trấn:

- Phường, thị trấn bình quân: 38.000.000 đồng/phường (thị trấn)/năm.

- Các xã còn lại bình quân: 57.000.000 đồng/xã/năm

Ngoài ra phân bổ thêm xã biên giới 200.000.000 đồng/xã/năm

- Định mức đã bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ: đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ công an xã theo Pháp lệnh công an xã, ...

10. Định mức phân bổ chi trợ giá, trợ cước:

Định mức phân bổ theo tiêu chí người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn: 80.000 đồng/người/năm đối với người dân thuộc hộ nghèo ở xã khu vực II, xã biên giới; 100.000 đồng/người/năm đối với người dân thuộc hộ nghèo ở xã khu vực III vùng khó khăn.

Việc triển khai thực hiện chính sách này hàng năm theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

Mức phân bổ chung bằng 6% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 10 đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên.

- Đối với các đô thị loại I (thuộc tỉnh), loại II, loại III, loại IV, loại V theo quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền được phân bổ thêm: 76.500 triệu đồng/đô thị loại I (thuộc tỉnh)/năm; 46.500 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 12.750 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 5.000 triệu đồng/đô thị loại V/năm.

- Phân bổ thêm để thực hiện công tác quy hoạch cho Tp. Buôn Ma Thuột 5.000 triệu đồng/năm; thị xã Buôn Hồ và huyện Ea Kar 2.000 triệu đồng/năm; các huyện còn lại mỗi huyện 1.500 triệu đồng/năm.

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo tỷ lệ bằng 1% tổng các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 11) đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên.

13. Mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách

Phân bổ theo tỷ lệ bằng 1% tổng các khoản chi từ mục 1 đến mục 12.

Huyện biên giới được phân bổ thêm 800.000.000 đồng/năm để thực hiện nhiệm vụ quan hệ với các địa phương nước bạn.

14. Dự phòng ngân sách

Phân bổ bằng 2% tổng chi thường xuyên.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê